

CÔNG TY CP VINAFREIGHT  
Số: 55/2024-VNF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM ngày 26/04/2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Vinafreight

Mã chứng khoán: VNF

Trụ sở chính: Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phở Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: 84.28.38446409 Fax: 84.28.38488359

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, tòa nhà Waseco, số 10 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: 84.28.38446409

Fax: 84.28.38488359

Loại thông tin công bố: 24 h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

*Báo cáo Tài chính của công ty mẹ và Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024*

Thông tin này đã được công bố trên Website của Công ty cùng ngày tại đường dẫn:



<https://vinafreight.com/thong-tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được công bố.

Tài liệu đính kèm:

Các tài liệu nói trên

Người được ủy quyền công bố thông tin

  
  
**LÊ QUANG HUY**



**VINAFREIGHT**<sup>®</sup>  
International

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, số 10 Phở Quang,  
Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÍ 1**

**NĂM 2024**

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1 năm 2024  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>212.011.611.181</b>	<b>207.677.446.217</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<i>V.1</i>	<b>64.767.692.119</b>	<b>64.702.274.072</b>
1. Tiền	111		53.467.692.119	54.202.274.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.300.000.000	10.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<i>V.2a</i>	<b>99.437.000.000</b>	<b>91.937.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		99.437.000.000	91.937.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.606.951.582</b>	<b>50.866.003.607</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<i>V.3</i>	35.149.832.317	45.951.607.595
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.436.632.691	1.946.473.201
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	<i>V.4a</i>	13.679.085.541	6.573.093.900
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<i>V.3</i>	(3.658.598.967)	(3.605.171.089)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>199.967.480</b>	<b>172.168.538</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		199.967.480	172.168.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	<i>V.13b</i>	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>392.437.949.142</b>	<b>392.734.250.700</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>238.594.423</b>	<b>238.594.423</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	<i>V.4b</i>	238.594.423	238.594.423
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.305.498.954</b>	<b>5.520.259.873</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.6</i>	4.994.348.954	5.190.059.873
- Nguyên giá	222		12.378.077.720	12.378.077.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.383.728.766)	(7.188.017.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.7</i>	311.150.000	330.200.000
- Nguyên giá	228		2.195.011.679	2.195.011.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.883.861.679)	(1.864.811.679)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<i>V.8</i>	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<i>V.9</i>	-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<i>V.2b</i>	<b>386.455.580.579</b>	<b>386.455.580.579</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		42.418.000.000	42.418.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		440.248.830.576	440.248.830.576
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.540.435.327	11.540.435.327
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(107.751.685.324)	(107.751.685.324)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>438.275.186</b>	<b>519.815.825</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		438.275.186	519.815.825
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>604.449.560.323</b>	<b>600.411.696.917</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>120.247.374.828</b>	<b>97.529.439.966</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>120.247.374.828</b>	<b>97.529.439.966</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	8.431.487.369	9.746.518.773
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.106.670.630	3.197.349.870
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	3.938.746.852	8.204.353.433
4. Phải trả người lao động	314		229.351.617	3.642.094.789
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.536.469.969	4.240.284.419
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.000.000	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	92.136.583.999	62.796.132.887
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.826.064.392	5.702.705.795
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.16a</b>	<b>484.202.185.495</b>	<b>502.882.256.951</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16b	317.158.800.000	317.158.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		317.158.800.000	317.158.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.146.050.000	30.146.050.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(155.000.000)	(155.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.518.000.000	15.518.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.534.335.495	140.214.406.951
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		115.527.023.236	205.761.221.569
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.007.312.259	(65.546.814.618)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>604.449.560.323</b>	<b>600.411.696.917</b>

Người lập biểu

  
Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hồng Kim Chi

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Anh Minh



Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: 10 Phố Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			2024	2023	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.671.682.565	48.751.527.333	48.671.682.565	48.751.527.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	48.671.682.565	48.751.527.333	48.671.682.565	48.751.527.333
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2, VI.6	40.233.195.023	44.551.367.168	40.233.195.023	44.551.367.168
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.438.487.542	4.200.160.165	8.438.487.542	4.200.160.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	847.781.135	1.927.599.467	847.781.135	1.927.599.467
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.4	150.439.655	6.888.213	150.439.655	6.888.213
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.128.515.554	4.225.367.498	3.128.515.554	4.225.367.498
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.007.313.468	1.895.503.921	6.007.313.468	1.895.503.921
10. Thu nhập khác	31	VI.5	-	54.545.455	-	54.545.455
11. Chi phí khác	32		1.209	665.319	1.209	665.319
12. Lợi nhuận khác	40		(1.209)	53.880.136	(1.209)	53.880.136
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.007.312.259	1.949.384.057	6.007.312.259	1.949.384.057
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	557.938.271	-	557.938.271
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.007.312.259	1.391.445.786	6.007.312.259	1.391.445.786

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Kim Chi

Ngày 26 tháng 04 năm 2024  
CỔ PHẦN Tổng Giám đốc  
VINAFREIGHT  
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Minh

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT  
Địa chỉ: 10 Phó Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý 1 - 2024	Quý 1 - 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.007.312.259	1.949.384.057
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	02		214.760.919	182.748.493
- Các khoản dự phòng	03		53.427.878	712.418.624
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	1.431.750.914
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(472.938.404)	(779.902.789)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.802.562.652	3.496.399.299
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.205.624.147	(4.708.225.770)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.382.916.495	(9.827.996.413)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		53.741.697	122.053.028
- Tăng, giảm các khoản đầu tư ngắn hạn	13		(7.500.000.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.352.365.348)	(6.455.445.604)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(660.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(407.520.357)</b>	<b>(18.034.015.460)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.233.990.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	54.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(33.410.110.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		472.938.404	725.357.334
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>472.938.404</b>	<b>(33.864.198.120)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		65.418.047	(51.898.213.580)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.702.274.072	116.956.177.014
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(265.842.810)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>64.767.692.119</b>	<b>64.792.120.624</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phong

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Kim Chi

Ngày 26 tháng 04 năm 2024  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phổ Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 1 NĂM 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

- Công ty Cổ phần Vinafreight (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0302511219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Lần điều chỉnh GCNĐKDN gần nhất là lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 02 tháng 01 năm 2024.
- Công ty có trụ sở chính tại Lầu 01, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, số 10 Đường Phổ Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội từ năm 2010 với mã chứng khoán VNF.

#### 2. Hoạt động chính:

- Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý giao nhận vận tải nước ngoài;
- Cung cấp dịch vụ thủ tục hải quan;
- Kinh doanh kho bãi, kho bảo quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

### II. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

#### a. Danh sách các Công ty con:

1. Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam
  - Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, 10 Phổ Quang, P.02, Q.Tân Bình, TP.HCM
  - Tỷ lệ phần sở hữu là: 100%
2. Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế
  - Địa chỉ: Lầu 11, Tòa nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, P.4, Q.Tân Bình, TP.HCM.
  - Tỷ lệ phần sở hữu là: 90%
3. Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt
  - Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, 10 Phổ Quang, P.02, Q.Tân Bình, TP.HCM.
  - Tỷ lệ phần sở hữu là: 45.9%

#### b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

1. Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phố Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Địa chỉ: 184 đường Trần Phú. Phường Phước Ninh. Quận Hải Châu. TP. Đà Nẵng.
- Tỷ lệ phần sở hữu là: 27.89%
- 2. Công Ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương
  - Địa chỉ: Số 2 Bích Câu. Phường Quốc Tử Giám. Quận Đống Đa. TP. Hà Nội
  - Tỷ lệ phần sở hữu là: 24.96%
- 3. Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Logistics Thăng Long
  - Địa chỉ: Tổ dân phố Bưởi. Phường Dị Sử. Thị xã Mỹ Hào. Tỉnh Hưng Yên;
  - Tỷ lệ phần sở hữu là: 22.96%.
- 4. Công Ty Cổ Phần Cảng Mipec
  - Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ. thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải. Phường Đông Hải 2. Quận Hải An. Thành phố Hải Phòng.
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 21.33%
- 5. Công Ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc
  - Địa chỉ: Lô I.9/1. Đường số 5. KCN Vĩnh Lộc. P.Bình Hưng Hòa B. Q.Bình Tân. Thành phố Hồ Chí Minh
  - Tỷ lệ phần sở hữu là: 20%

### **III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **1. Tuyên bố về việc tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### **2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **4. Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **IV. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **1. Các giao dịch bằng ngoại tệ:**



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phô Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **3. Các khoản đầu tư**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ được nhận từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ được nhận từ số lợi nhuận lũy kế của Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng công nợ khó đòi được thực hiện theo các quy định hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phở Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định vô hình

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	15 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

##### Tài sản cố định vô hình

###### *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

#### 6. Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### 7. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyên giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

#### 9. Chi phí trả trước

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phố Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### **10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **11. Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

#### **12. Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phô Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

được. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **13. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

#### **14. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành;

Doanh thu từ tiền tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích;

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

#### **15. Thông tin so sánh.**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phố Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>V.1. Tiền</b>		
Tiền mặt	78.805.628	156.650.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.388.886.491	54.045.623.826
Các khoản tương đương tiền	11.300.000.000	10.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>64.767.692.119</b>	<b>64.702.274.072</b>

**V.2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<b>a. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi kỳ hạn 6 -12 tháng tại các ngân hàng		99 437.000.000		91.937.000.000
<b>b. Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác</b>				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công Ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế	40.500.000.000	-	40.500.000.000	-
Công ty TNHH ĐTPT TM Con Đường Việt (*)	918.000.000	-	918.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>42.418.000.000</b>	<b>-</b>	<b>42.418.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công Ty CP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	8.784.000.000	-	8.784.000.000	-
Công Ty CP Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương	58.247.948.076	-	58.247.948.076	-
Công Ty CP Dịch Vụ Logistics Thăng Long	52.963.110.000	-	52.963.110.000	-
Công Ty Cổ Phần Cảng Mippec	305.853.772.500	(107.751.685.324)	305.853.772.500	(107.751.685.324)
Công Ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	14.400.000.000	-	14.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>440.248.830.576</b>	<b>(107.751.685.324)</b>	<b>440.248.830.576</b>	<b>(107.751.685.324)</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty liên doanh Vận Tải Việt Nhật	4.917.335.327	-	4.917.335.327	-
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	-	4.246.950.000	-
Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink	1.650.000.000	-	1.650.000.000	-
Công ty TNHH Vận Tải Ô tô Vi Na Vinatrans	726.150.000	-	726.150.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.540.435.327</b>	<b>-</b>	<b>11.540.435.327</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>494.207.265.903</b>	<b>(107.751.685.324)</b>	<b>494.207.265.903</b>	<b>(107.751.685.324)</b>

(\*) Hội Đồng Quản Trị đã thông qua Nghị Quyết số 11-23/NQ-HĐQT ngày 28/11/2023 về việc giải thể Công ty TNHH ĐTPT TM Con Đường Việt (Vietway). Tại ngày lập báo cáo tài chính. Vietway đang trong quá trình giải thể.

**V.3. Phải thu khách hàng**

Tên khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	35.149.832.317	-	45.951.607.595	3.065.171.089
- Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	8.478.627.968	-	14.218.367.901	-
- Công ty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	3.040.071.996	-	3.984.450.809	-
- Phải thu từ bên liên quan	18.485.823	-	12.951.479	-
- Khác	23.612.646.530	(3.658.598.967)	27.735.837.406	3.065.171.089

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phở Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V.4. Phải thu khác**

Nội dung	Số đầu kỳ	
	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.679.085.541</b>	<b>6.573.093.900</b>
- Tạm ứng nhân viên	923.535.866	1.076.854.405
- Ký quỹ	4.273.932.000	4.287.732.000
- Phải thu từ bên khác	3.395.070.677	-
- Phải thu khác	5.086.546.998	1.208.507.495
<b>b. Dài hạn</b>	<b>238.594.423</b>	<b>238.594.423</b>
- Ký quỹ	238.594.423	238.594.423
<b>Cộng</b>	<b>13.917.679.964</b>	<b>6.811.688.323</b>

**V.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	6.459.463.150	4.859.715.661	1.058.898.909	12.378.077.720
Tăng trong kỳ				
Thanh lý				
Số cuối kỳ	6.459.463.150	4.859.715.661	1.058.898.909	12.378.077.720
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	3.206.946.656	3.041.220.890	939.850.301	7.188.017.847
Khấu hao trong kỳ	95.662.251	91.294.500	8.754.168	195.710.919
Thanh lý				
Số cuối kỳ	3.302.608.907	3.132.515.390	948.604.469	7.383.728.766
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	3.252.516.494	1.818.494.771	119.048.608	5.190.059.873
Số cuối kỳ	3.156.854.243	1.727.200.271	110.294.440	4.994.348.954

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.382 triệu đồng.

**V.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Nội dung	Phần mềm máy tính
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	2.195.011.679
Mua mới	
Thanh lý	
Số cuối kỳ	2.195.011.679
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	1.864.811.679
Khấu hao trong kỳ	19.050.000
Thanh lý	
Số cuối kỳ	1.883.861.679
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	330.200.000
Số cuối kỳ	311.150.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phở Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V.7. Phải trả người bán**

Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.431.487.369</b>	<b>8.431.487.369</b>	<b>9.746.518.773</b>	<b>9.746.518.773</b>
- Công ty Cổ Phần Container Việt Nam	-	-	1.140.454.226	1.140.454.226
- Công Ty TNHH MTV Dịch Vụ Cảng Xanh	1.405.695.270	1.405.695.270	-	-
- Công Ty Cổ Phần Cảng Hải Phòng	870.517.407	870.517.407	-	-
- Phải trả cho bên liên quan	906.698.239	906.698.239	7.735.706.729	7.735.706.729
- Phải trả người bán khác	5.248.576.453	5.248.576.453	870.357.818	870.357.818

**V.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Phải nộp</b>	<b>8.204.353.433</b>	<b>8.604.750.993</b>	<b>12.864.574.691</b>	<b>3.944.529.735</b>
- Thuế GTGT	280.620.151	2.482.484.081	2.467.285.366	295.818.866
- Thuế thu nhập cá nhân	400.152.848	1.018.712.168	1.166.791.067	252.073.949
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.352.365.348	-	4.352.365.348	-
- Các khoản phải nộp khác	3.171.215.086	5.103.554.744	4.878.132.910	3.396.636.920
<b>b. Phải thu</b>	-	-	-	<b>5.782.883</b>
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	5.782.883

**V.9. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nội dung</b>	<b>4.536.469.969</b>	<b>4.240.284.419</b>
- Chi phí làm hàng	3.352.026.294	3.364.562.493
- Thưởng năng suất	1.179.959.969	840.000.000
- Khác	4.483.706	35.721.926

**V.10. Phải trả khác**

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>92.136.583.999</b>	<b>62.796.132.887</b>
- Thu hộ hãng tàu	44.530.481.541	57.120.610.263
- Nhận ký quỹ	4.320.000.000	4.320.000.000
- Cổ tức phải trả	22.549.004.420	1.355.522.624
- Phải trả bên có liên quan	19.175.677.391	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.561.420.647	1.355.522.624

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phố Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V.11. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu
<b>Số dư 01/01/2023</b>	<b>317.158.800.000</b>	<b>30.146.050.000</b>	<b>(155.000.000)</b>	<b>13.518.000.000</b>	<b>234.947.720.591</b>	<b>595.615.570.591</b>
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	(65.546.814.618)	(65.546.814.618)
Trích quỹ	-	-	-	2.000.000.000	(6.996.233.022)	(4.996.233.022)
Cổ tức	-	-	-	-	(22.190.266.000)	(22.190.266.000)
<b>Số dư 01/01/2024</b>	<b>317.158.800.000</b>	<b>30.146.050.000</b>	<b>(155.000.000)</b>	<b>15.518.000.000</b>	<b>140.214.406.951</b>	<b>502.882.256.951</b>
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	6.007.312.259	6.007.312.259
Trích kinh phí hoạt động HDQT	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ	-	-	-	-	(1.497.117.715)	(1.497.117.715)
Cổ tức	-	-	-	-	(22.190.266.000)	(22.190.266.000)
<b>Số dư 31/03/2024</b>	<b>317.158.800.000</b>	<b>30.146.050.000</b>	<b>(155.000.000)</b>	<b>15.518.000.000</b>	<b>121.534.335.495</b>	<b>484.202.185.495</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty Cổ Phần Transimex	180.949.820.000	180.949.820.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	136.208.980.000	136.208.980.000
<b>Cộng</b>	<b>317.158.800.000</b>	<b>317.158.800.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	317.158.800.000	317.158.800.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	317.158.800.000	317.158.800.000
+ Vốn góp cuối kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	-	22.190.266.000

(\*) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 là 7% mệnh giá.

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	<b>31.715.880</b>	<b>31.715.880</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>31.715.880</b>	<b>31.715.880</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	31.715.880	31.715.880
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	<b>15.500</b>	<b>15.500</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	15.500	15.500
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>31.700.380</b>	<b>31.700.380</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	31.700.380	31.700.380

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phở Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

<b>VI.1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
- Doanh thu cước vận tải quốc tế	14.812.319.764	16.540.548.053
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.859.362.801	32.210.979.280
<b>Cộng</b>	<b>48.671.682.565</b>	<b>48.751.527.333</b>

<b>VI.2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.989.475	59.773.600
- Chi phí nhân công	5.736.640.165	7.548.411.823
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.181.977	162.181.977
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.610.614.558	34.067.777.185
- Chi phí bằng tiền khác	1.662.768.848	2.713.222.583
<b>Cộng</b>	<b>40.233.195.023</b>	<b>44.551.367.168</b>

<b>VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	472.938.404	725.357.334
- Chênh lệch tỷ giá	374.842.731	1.202.242.133
<b>Cộng</b>	<b>847.781.135</b>	<b>1.927.599.467</b>

<b>VI.4. Chi phí tài chính</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	150.439.655	6.888.213

<b>VI.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.414.283.883	1.923.268.459
- Chi phí đồ dùng văn phòng	17.581.482	13.050.254
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.578.942	20.566.516
- Chi phí dự phòng	53.427.878	712.418.624
- Chi phí bằng tiền khác	1.590.643.369	1.556.063.645
<b>Cộng</b>	<b>3.128.515.554</b>	<b>4.225.367.498</b>

<b>VI.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	471.811.504	557.938.271

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Quý 1/2024</b>	<b>Quý 1/2023</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Không Vecto Quốc Tế	Công ty con	Mua dịch vụ	14.666.389	35.121.322
		Cung cấp dịch vụ	12.393.000	12.393.000
Công ty TNHH Hậu Cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	-	1.199.000
		Cung cấp dịch vụ	23.065.238	55.832.088
Công ty cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	345.848.127	261.015.117

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Địa chỉ: Lầu 1, Block C, Tòa nhà văn phòng WASECO, 10 Phở Quang, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam	Cổ đông	Mua dịch vụ	-	1.600.000
Công ty cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	Công ty Liên kết	Góp vốn	-	2.400.000.000
		Mua dịch vụ	1.181.250	109.171.066
Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương	Công ty Liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	123.846.900
		Lãi đầu tư	-	339.377.893
		TP chuyển đổi thành CP	-	14.870.700.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Công ty Liên kết	Mua dịch vụ	335.165.225	429.144.054
		Góp vốn	-	4.555.110.000
Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Miền Trung	Công ty Liên kết	Mua dịch vụ	-	31.396.460
		Cung cấp dịch vụ	-	1.200.000
Công ty cổ phần Cảng Mipeco	Công ty Liên kết	Góp vốn		26.455.000.000
Công ty cổ phần Transimex Logistics	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	353.867.658	261.015.117
		Cung cấp dịch vụ	48.160.365	-
Công ty TNHH MTV trung tâm phân phối Transimex	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	611.079.777	267.091.730
Công ty TNHH MTV Transimex Hi-tech Park Logistics	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	567.154.729	1.090.909
Công ty Cổ Phần Transimex Shipping	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	10.601.850	-
Công ty Cổ Phần Cảng Transimex	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	4.898.138	-

Lương, thù lao của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát Và Ban Giám Đốc

	Quý 1/2024	Quý 1/2023
Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát	206.666.667	429.420.000
CT HDQT và Ban Giám Đốc	713.445.145	600.000.000

**VIII. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH CỦA QUÍ 1/2024 SO VỚI QUÍ 1/2023**

CHỈ TIÊU	Quý 1/2024	Quý 1/2023	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.007.312.259	1.391.445.786	4.615.866.473	331,73

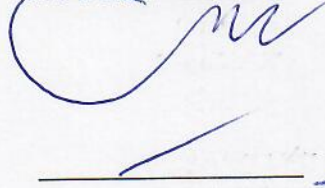
Tình hình thị trường quý 1 năm 2024 tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2023, sản lượng hàng xuất và giá cước vận chuyển tăng nên doanh thu và lợi nhuận tăng so với cùng kỳ.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Phong

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Kim Chi

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2022



Nguyễn Anh Minh